

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMJ

Tel: 02803 829154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: [Http://www.ximanglahien.com.vn](http://www.ximanglahien.com.vn)

Địa chỉ: Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: Năm 2014



Nơi nhận: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Thái Nguyên, tháng 03/2015



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
I	THÔNG TIN CHUNG	01
1	Thông tin khái quát	01
2	Quá trình hình thành và phát triển	01
3	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	03
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	04
5	Định hướng phát triển	06
6	Các rủi ro	08
II	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014	09
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	09
2	Tổ chức và nhân sự	10
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	14
4	Tình hình tài chính	15
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	16
III	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	17
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	17
2	Tình hình tài chính	21
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	23
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	24
5	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	24
IV	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	24
1	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	25
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	25
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	26
V	QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
1	Hội đồng quản trị	28
2	Ban kiểm soát	35
3	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	39
VI	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	42
1	Ý kiến kiểm toán	47
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán	48-80



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600422240
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 02803.829.154
- Số fax: 02803.829.056
- Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>
- Mã cổ phiếu: LHC

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển:

* Việc thành lập:

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL-BCCB-LD ngày 31/12/1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Than Nội Địa (nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin) thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin.

- Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên VVMI.

- Ngày 19/09/2007, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT về việc phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên VVMI thành Công ty cổ phần.

- Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số: 1703000349 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 01 tháng 01 năm 2008.

- Ngày 16 tháng 06 năm 2010 bàn giao dự án “Đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy xi măng La Hiên” đi vào hoạt động với tổng mức đầu tư được quyết toán là: 626.755 triệu đồng.

- Thay đổi về người đại diện theo pháp luật được chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất số 4600422240 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 06/11/2012.

* Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

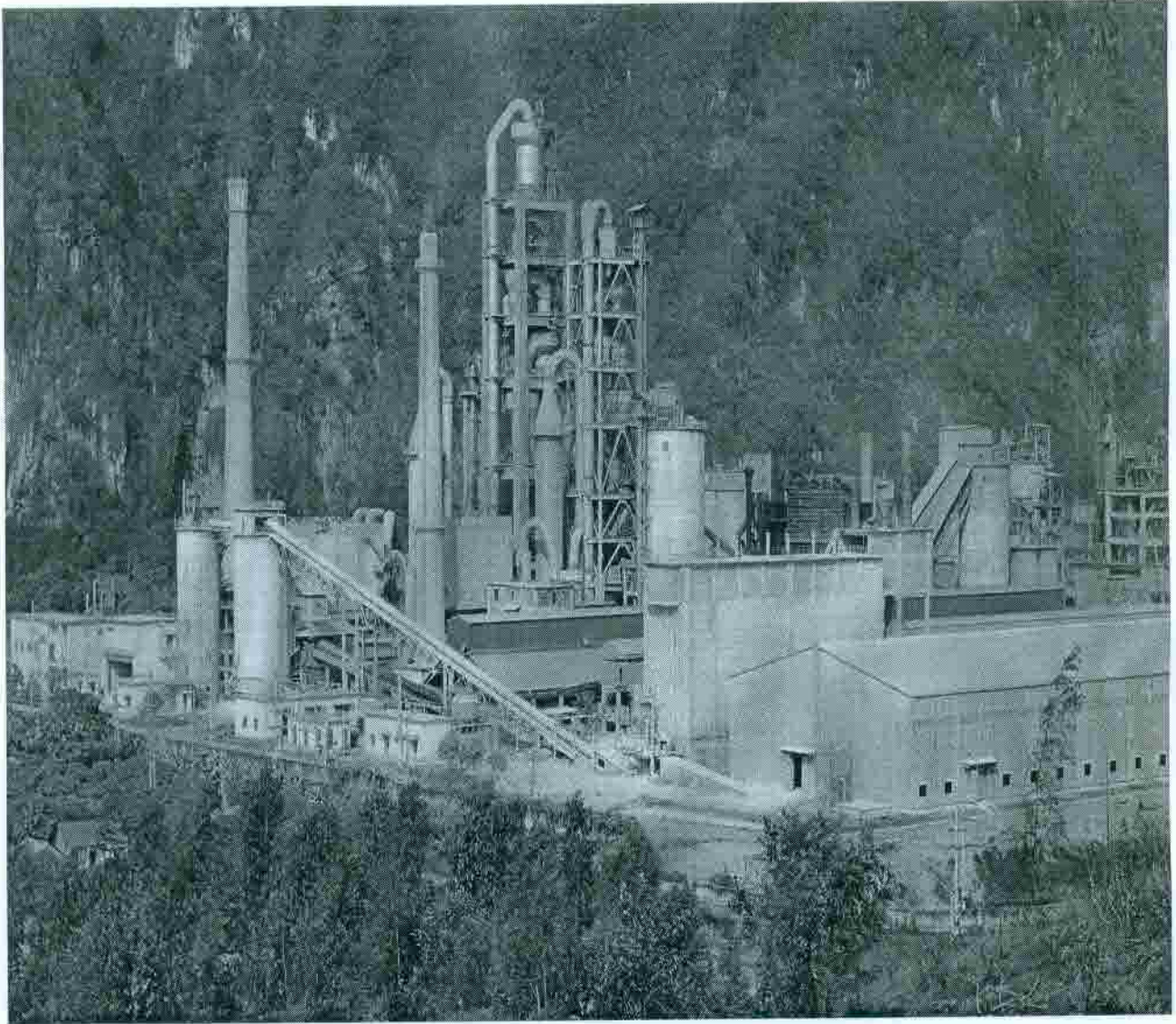
Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hien – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 Công ty cổ phần xi măng La Hien VVMI chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

** Giới thiệu về công ty:*



Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tên viết tắt: **LHC**

Tên tiếng Anh: **VVMI LA HIÊN CEMENT JOIN STOCK COMPANY**

Biểu tượng của công ty:



2



Trụ sở chính của công ty: Xóm cây Bòng - Xã La Hiên - Huyện Võ Nhai - Tỉnh Thái Nguyên

Mã số thuế: 4600422240

*** Phương châm hoạt động:**

+ Luôn cam kết phần đầu, tìm hiểu kỹ khách hàng để đảm bảo sản phẩm và dịch vụ của mình cung ứng ra đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

+ Thường xuyên giáo dục cán bộ, công nhân viên để mọi người cùng hiểu rằng:

“CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM QUYẾT ĐỊNH SỰ HƯNG THỊNH CỦA CÔNG TY”

+ Luôn tổ chức việc giáo dục và đào tạo cho mọi cán bộ, công nhân viên không ngừng nâng cao năng lực của mình.

+ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008 một cách có hiệu quả trên cơ sở tham gia của tất cả mọi người.

2.2. Các sự kiện khác trong năm 2014.

- Ngày 10/03/2014 Hội đồng quản trị họp và phát hành thông báo số về việc chốt danh sách cổ đông và quyền tham dự Đại hội cổ đông đồng thời quyết định ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.

- Ngày 10/04/2014 tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014, tại Đại hội xin ý kiến bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT thay thế 01 đồng chí ngừng điều hành từ ngày 25/01/2015.

- Ngày 25/12/2014 diễn ra một sự kiện trọng đại là tổ chức kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Công ty (01/01/1995 – 01/01/2015), đánh dấu một chặng đường xây dựng, hình thành và phát triển.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh: (Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính)

- Sản xuất xi măng, clinker;
- Khai thác đá vôi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

3.2. Địa bàn kinh doanh:

- Công ty bán hàng cho trên 300 cửa hàng tiêu thụ sản phẩm và các nhà phân phối, ngoài ra còn bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

2.2
IG
PH
SL
VM
TH



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu khu vực phía Bắc bao gồm các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, ...vv và các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị.

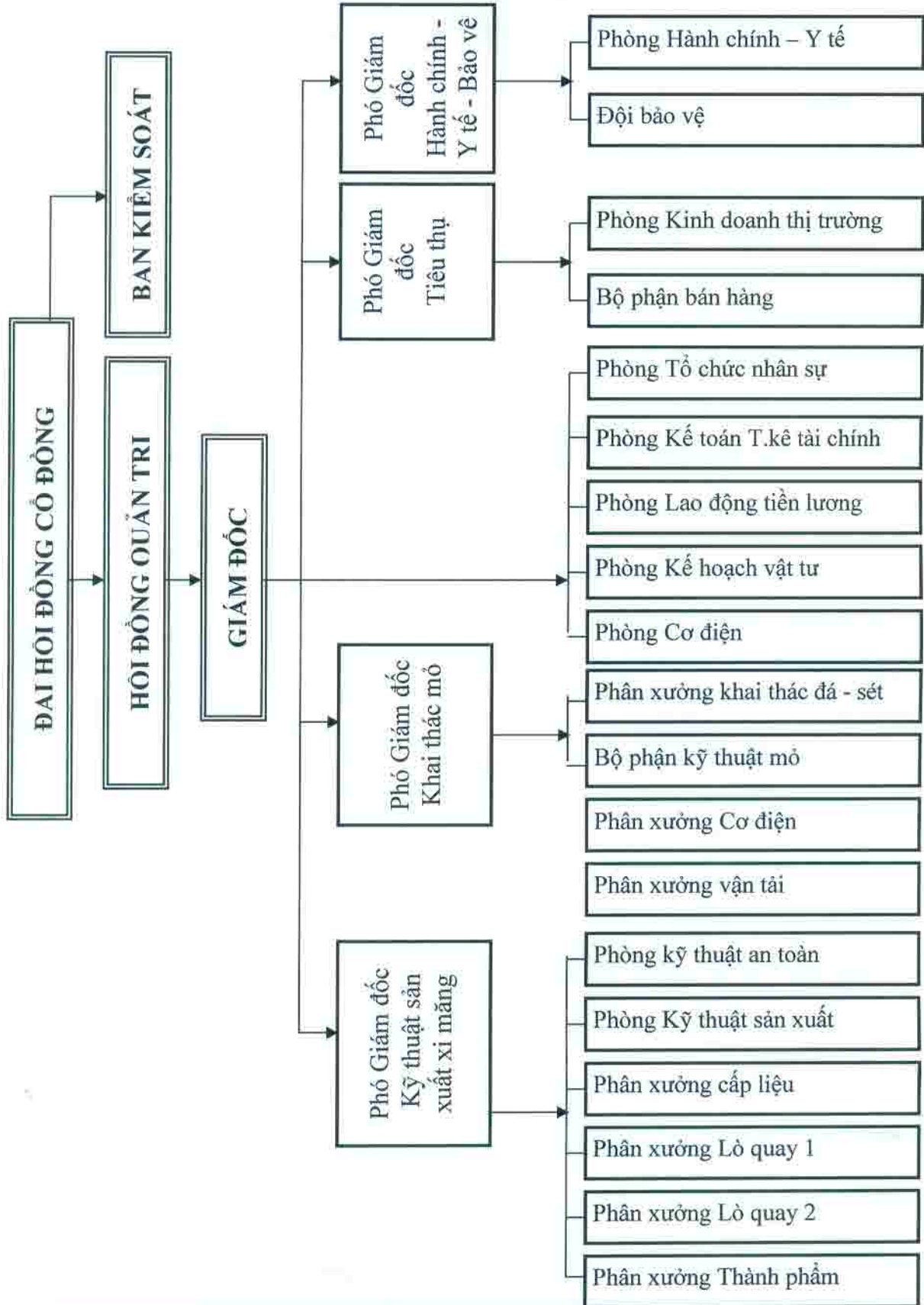
- Công ty là công ty con của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – Vinacomin thông qua tỷ lệ nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty (51,383% vốn điều lệ).

- Công ty không có văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước.

10
11
12
13



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.





4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có

5. Định hướng phát triển

Năm 2015 tình hình kinh tế thế giới đã có những dấu hiệu phục hồi, kinh tế nước ta đã có những chuyển biến tích cực, tăng trưởng GDP năm 2015 dự kiến đạt từ 6,2% - 6,5%. Tuy nhiên dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty.

Mục tiêu năm 2015 và các năm tiếp theo nhiệm vụ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là: Duy trì và ổn định sản xuất, cải tạo đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí. Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Sản xuất kinh doanh theo tiêu chí: **Năng suất – Chất lượng – An toàn – Hiệu quả**
- Phát huy cao tinh thần **Kỷ luật – đồng tâm**
- Hòa hòa lợi ích của các Cổ đông và Người lao động
- Môi trường làm việc thân thiện, khách hàng là số 1
- Thực hiện tốt chế độ chính sách của Nhà nước và quy định của pháp luật.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

* Chiến lược về sản phẩm và thị trường:

Sản phẩm và thị trường của Công ty đặc biệt quan trọng, nó quyết định sự tồn tại, phát triển của Công ty. Do đó việc nghiên cứu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu khách hàng nhằm giữ vững củng cố thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới là nhiệm vụ hàng đầu. Để hoạt động này đáp ứng được các yêu cầu Công ty cần thực hiện các biện pháp sau:

- Tập trung quản lý toàn diện trong các lĩnh vực, tối đa hóa lợi nhuận trong kinh doanh, trong đó đẩy mạnh chủng loại sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Đa dạng hóa sản phẩm xi măng, nâng cao chất lượng sản phẩm, ổn định đà phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm Công ty trở thành một thương hiệu mạnh.



- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ xi măng đối với những khách hàng đã có và khách hàng tiềm năng trong tương lai.

- Tích cực trong quản lý thị trường, tổ chức mạng lưới tiếp thị chặt chẽ, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh để đưa ra các chính sách phù hợp.

*** Chiến lược đầu tư công nghệ:**

- Áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng. Có biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng clinker sản xuất, tăng tỷ lệ pha trộn phụ gia trong xi măng, giảm định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu và động lực.

- Đầu tư chiều sâu công nghệ sản xuất, nâng cao năng suất chất lượng và hạ giá thành sản phẩm để đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Phát huy sáng kiến trong tổ chức sản xuất, tổ chức lao động, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới.

- Trong năm 2015, tiếp tục có những giải pháp cải tạo công nghệ, thiết bị trong dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, điện năng để tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

*** Chiến lược tài chính:**

- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính phù hợp theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác khoán quản chi phí trong các công đoạn.

- Thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Chủ động công bố minh bạch thông tin để cung cấp kịp thời cho các nhà đầu tư để nắm bắt được hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt là thông tin về tình hình tài chính của Công ty.

- Tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp để cơ cấu lại nguồn vốn của Công ty sao cho hợp lý, đồng thời tận dụng tối đa ưu thế của đòn cân nợ.

- Tích cực đưa ra các giải pháp để giảm hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu; tăng hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày càng vững mạnh.

*** Chiến lược nhân sự:**



- Cơ cấu sắp xếp lại lao động, đảm bảo đủ nguồn lực, hợp lý hóa sản xuất. Xây dựng các phương án sắp xếp lao động phù hợp theo hướng giảm lao động gián tiếp, lao động phục vụ, phụ trợ bổ xung tăng cường lao động vào dây chuyền sản xuất chính.

- Đào tạo nâng cao tay nghề cho thợ vận hành, công nhân viên chức trong toàn Công ty.

- Nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Sử dụng lao động có chuyên môn nghiệp vụ trong các phòng ban Công ty.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao, đội ngũ công nhân giỏi.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

*** Đối với môi trường:**

- Duy trì thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá tác động môi trường để đưa ra các giải pháp khắc phục những ảnh hưởng xấu.

- Lắp đặt hệ thống lọc bụi tại các vị trí sản xuất cần thiết, duy trì hệ thống xử lý nước thải, chất thải đúng quy định.

- Trồng bổ sung cây xanh quanh nhà máy và các khu đất trống. Thường xuyên có xe phun, rửa nước cho cây xanh và đường giao thông trong nội bộ.

*** Đối với xã hội và cộng đồng:**

- Xây nhà tình nghĩa tặng các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hỗ trợ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ thiên tai hỏa hoạn.

- Thường xuyên có những đóng góp với địa phương trong công tác từ thiện, quỹ khuyến học, phong trào văn hóa thể thao và công tác xã hội khác.

6. Các rủi ro:

Công ty có thể bị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh bởi các rủi ro sau:

- Rủi ro về thị trường
- Rủi ro về lãi suất
- Rủi ro về ngoại tệ
- Rủi ro về tín dụng
- Rủi ro về thanh khoản



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- Trong năm Công ty đã rất tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Năm 2014 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo duy trì ổn định và giữ vững các vùng thị trường truyền thống, đã mở thêm một số vùng thị trường mới, lựa chọn các đối tượng khách hàng có tiềm lực kinh tế tốt. Đánh giá các đối tượng cạnh tranh để xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro trong kinh doanh và thu hồi được công nợ sau bán hàng.

- Sử dụng nguồn vốn linh hoạt, hiệu quả tiết kiệm trên 21,5% chi phí tài chính theo kế hoạch đề ra; vận dụng các chính sách bán hàng linh hoạt, ưu tiên lựa chọn vùng thị trường mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, hạn chế xảy ra sự cố trong sản xuất.

- Duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo đời sống và việc làm cho người lao động, không để sản phẩm tồn kho lớn làm giảm chất lượng sản phẩm và ứ đọng vốn.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

* Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đ V T	KH năm 2014	TH năm 2013	TH năm 2014	% TH KH	% TH 2014 2013
A	Chỉ tiêu hiện vật						
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	700.000	640.476,13	620.661,11	88,67%	96,91%
1	Xi măng	“	610.000	577.708,44	464.206,92	76,09%	80,35%
2	Clinker thương phẩm	“	90.000	62.767,69	156.454,19	173,84%	249,26%
II	Sản lượng tiêu thụ	“	700.000	640.477,13	620.583,11	88,65%	96,89%
1	Xi măng	“	610.000	577.709,44	464.128,92	76,09%	80,34%
2	Clinker thương phẩm	“	90.000	62.767,69	156.454,19	173,84%	249,26%
B	Doanh thu, Thu nhập khác		645.894,87	590.399,31	581.913,70	90,09%	98,56%
1	Xi măng	Tr.đ	572.086,36	541.467,90	464.863,48	81,26%	85,85%

1501
CỔ
CỔ
MÃI
AI-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	58.454,55	40.211,25	100.607,99	172,11%	250,19%
3	Doanh thu, TN khác	Tr.đ	15.353,96	8.720,16	16.442,22	107,09%	188,55%
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	17.500	1.552,93	26.886,65	153,64%	1.731,35%
D	Cổ tức (dự kiến)		6%	0%	10%	166,67%	%
G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	23.360	15.233,71	21.622,19	92,56%	141,94%
E	Lao động và thu nhập						
1	Lao động bình quân	Ngư ời	741	810	761	102,69%	93,95%
2	Tiền lương bình quân	đ/ng/ th	5.654.906	5.163.869	6.011.568	106,31%	116,42%

* Nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề:

- Qua bảng phân tích số liệu ta thấy các chỉ tiêu về sản xuất, tiêu thụ và doanh thu đều không đạt so với kế hoạch đề ra và thấp hơn so với năm liền kề do nguồn cung xi măng trong nước dư thừa nhiều, Nhà nước thay đổi chính sách vận chuyển hàng hóa, tải trọng xe phải cắt giảm nhiều nên việc vận chuyển hàng hóa đi các vùng thị trường xa bị hạn chế.

- Tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức (dự kiến) và tiền lương của người lao động đều tăng trưởng rõ rệt do Công ty đã biết vận dụng linh hoạt trong cơ chế bán hàng, tiết kiệm tốt các loại chi phí trong sản xuất kinh doanh cũng như thực hiện quản lý tốt máy móc thiết bị, bài toán công nghệ nên đã mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Ông Nguyễn Văn Dũng:

Chức vụ hiện tại: Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 01/10/1966

Quê quán: Xã Nghĩa Hưng, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.946 Ngày cấp: 20/7/2007 Nơi cấp: CA Thái Nguyên.

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên



Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,123%

2.1.2 Ông Nông Nhật Ba: (Không điều hành từ ngày 25/01/2014)

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 11/02/1967

Quê quán: Xã Đại Đồng, Huyện Trảng Định, Tỉnh Lạng Sơn.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.590.440 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 16, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên.

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,049%

2.1.3 Ông Bùi Xuân Hồng:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 22/05/1956

Quê quán: Xã Thụy Hương, Huyện An Thụy, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.508.520 Ngày cấp: 28/04/2005 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Thị trấn Chùa Hang, Đông Hỷ, Thái Nguyên.

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,271%

2.1.4 Ông Lê Bá Chức:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 10/05/1965

Quê quán: Xã Xuân Hoà, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá.



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.590.490 Ngày cấp: 24/01/2000 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 18, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,157%

2.1.5 Ông Nguyễn Văn Tập:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 20/08/1958

Quê quán: Xã Bằng Giã, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.194.906 Ngày cấp: 10/03/2005 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 12, Phường Quan Triều, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mỏ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,057%

2.1.6 Ông Vũ Ngọc Bách:

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 10/04/1964

Quê quán: Xã Nam Lợi, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.594.380 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.154

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,055%

2.1.7 Bà Lê Thị Thu Hiền:

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI



Giới tính: Nữ

Ngày/tháng/năm sinh: 04/05/1974

Quê quán: Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá.

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 090.656.943 Ngày cấp: 19/05/2004 Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: Tổ 10, Phường Hoàng Văn Thụ, T.P Thái Nguyên

Số điện thoại liên lạc: 02803.829.156

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,1%

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm do mắc bệnh hiểm nghèo nên ông Nông Nhật Ba – UV HĐQT, Phó giám đốc Công ty đã từ trần đột ngột, do vậy không còn điều hành từ ngày 25/01/2014. Phần việc do ông Ba phụ trách được phân công lại trong Ban điều hành để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất của Công ty.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Tổng số cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty tại thời điểm 31/12/2014: 747 người, trong đó:

+ Cán bộ quản lý:	60 người
+ Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ:	49 người
+ Nhân viên hành chính, kỹ thuật, nghiệp vụ:	17 người
+ Nhân viên phục vụ:	12 người
+ Công nhân lao động:	609 người

Và có các trình độ chuyên môn sau:

+ Trình độ Thạc sỹ:	01 người
+ Trình độ đại học, cao đẳng:	174 người
+ Trình độ trung cấp:	57 người
+ Công nhân kỹ thuật:	504 người
+ Lao động phổ thông:	11 người

Trong năm đã giải quyết nghỉ chế độ và chấm dứt hợp đồng lao động cho 37 người đồng thời tuyển dụng mới 07 lao động có trình độ kỹ sư để bổ sung nhân lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Xác định nguồn nhân lực là nguồn quan trọng nhất, là chìa khóa của sự thành công, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự giỏi, chuyên nghiệp, tận tụy và trung thành với mục tiêu phát triển của Công ty. Trong năm đã ban hành được Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động.

- Chính sách đối với người lao động: Các cán bộ, công nhân viên của Công ty được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty đã cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, năng lực quản lý cho cán bộ.

- Có chính sách thu hút nhân tài, tuyển dụng công khai minh bạch, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi, công nhân kỹ thuật có trình độ cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh, trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích theo đúng năng lực cá nhân.

- Công ty cũng có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thoả đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như: Hàng năm người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được cộng thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ luật lao động. Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động (2 lần/năm). Trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt. Tổ chức điều dưỡng luân phiên, phục hồi chức năng cho người lao động vv... để tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

*** Đầu tư tài chính:**

Không

*** Đầu tư dự án:**

Do trong năm tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn, nền tài chính của Công ty còn eo hẹp, vì vậy Công ty chỉ thực hiện đầu tư những dự án thực sự cần thiết. Nên trong năm bước đầu triển khai thực hiện dự án xây dựng kho chứa nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có



4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	695.424,81	615.517,69	88,51%
2	Doanh thu thuần	584.026,93	575.306,63	98.51%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.150,61)	25.163,60	%
4	Lợi nhuận khác	2.703,54	1.723,05	63,73%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.552,93	26.886,65	1.731,35%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.552,93	22.606,13	1.455,71%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		44,23%	%

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,87	0,31	
+	Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,35	0,10	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,86	0,82	
+	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	6,01	4,66	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+	Vòng quay hàng tồn kho:			



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 154;

Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn

Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

	<u>Giá vốn hàng bán</u>	8,99	8,72	
	Hàng tồn kho bình quân			
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,84	0,93	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,003	0,039	
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,016	0,208	
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,002	0,037	
+	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,002)	0,044	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

5.2. Cơ cấu cổ đông:

STT	Chỉ tiêu	SL cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông lớn</i>	5.838.300	58,383%
+	<i>Cổ đông nhỏ</i>	4.161.700	41,617%
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông tổ chức</i>	5.963.300	59,633%
+	<i>Cổ đông cá nhân</i>	4.036.700	40,367%
3	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài	10.000.000	100%
+	<i>Cổ đông trong nước</i>	10.000.000	100%



+	Cổ đông nước ngoài	0	0%
4	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác	10.000.000	100%
+	Cổ đông nhà nước	5.138.300	51,383%
+	Cổ đông khác	4.861.700	48,617%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có.

5.5. Các chứng khoán khác:

Không có.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

Năm 2014 kinh tế thế giới đã có những tín hiệu tích cực, kinh tế trong nước có dấu hiệu đi qua vùng đáy. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2014 đạt khoảng 5,98% (năm 2013 đạt 5,42%), lạm phát và lãi suất giảm, tỷ giá tương đối ổn định. Nhiều dự án đầu tư xây dựng đặc biệt là các dự án bất động sản, cơ sở hạ tầng, giao thông đã được triển khai xây dựng. Song do tình trạng cung vượt cầu rất lớn đối với lĩnh vực sản xuất xi măng, mức dư thừa sản phẩm trong ngành còn cao, sản phẩm chịu sức cạnh tranh khốc liệt tại thị trường nội địa.

Đối với Công ty cổ phần xi măng La Hiên năm 2014 cũng gặp rất nhiều khó khăn tại thị trường trong nước do nằm trong vùng có mật độ các nhà máy xi măng nhiều nhất cả nước, tình trạng cạnh tranh tại các khu vực là thị trường truyền thống rất quyết liệt làm cho thị phần giảm khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm.

Năm 2014 Công ty đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, ngay từ những tháng đầu năm Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để thực hiện điều hành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt 620.583 tấn/KH 700.000 tấn = 88,65% kế hoạch giao, doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập khác thực hiện đạt 581,9/KH 645,8 tỷ đồng = 90,09% kế hoạch giao. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 26,89/KH 17,5 tỷ đồng = 153,64% kế hoạch giao. Sản xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối.

500
CỔ
CƠ
HÀ
11



Tuy các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu không đạt so với kế hoạch nhưng Hội đồng quản trị và ban điều hành cũng đã vận dụng tối đa các lợi thế trong kinh doanh, phát huy trí tuệ tập thể tiết kiệm tốt các yếu tố chi phí trong sản xuất và lựa chọn bán hàng tại các vùng thị trường mang lại lợi ích cao do vậy đã mang lại lợi nhuận tốt hơn so với kế hoạch đề ra. Có thể nói Công ty cổ phần xi măng La Hiên đã cơ bản hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014, sản xuất được duy trì ổn định và đang trên đà tăng trưởng; việc làm và đời sống của người lao động được quan tâm; lợi ích của các cổ đông được đảm bảo.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.

Đứng trước những thách thức và những biến động của thị trường, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã hết sức cố gắng để bám sát tình hình thị trường nhằm kịp thời đưa ra những quyết sách điều chỉnh cho phù hợp, giảm thiểu những thiệt hại cho Công ty.

Trong công tác điều hành Công ty luôn củng cố, duy trì thường xuyên phân tích giá thành theo tháng để từ đó có các biện pháp giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm. Ban lãnh đạo Công ty đã duy trì các cuộc họp thường xuyên và định kỳ để kiểm điểm đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư và việc triển khai những chủ trương theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Năm 2014 ban lãnh đạo điều hành công ty đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn và các tổ chức đoàn thể, triển khai nhiệm vụ kế hoạch và phát động thi đua tới từng phòng ban, phân xưởng, tổ đội sản xuất, sự đoàn kết vượt qua khó khăn gian khổ phấn đấu trong lao động sản xuất của đội ngũ công nhân, cán bộ trong Công ty đã tạo nên không khí thi đua, thúc đẩy công việc được giao và kết quả được thể hiện rõ nét ở các mặt chủ yếu sau:

*** Công tác tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường:**

Năm 2014 công tác thị trường gặp rất nhiều khó khăn do sức ép cung vượt cầu quá lớn làm sản lượng tiêu thụ giảm. Mặt khác Nhà nước thực hiện cân tải trọng xe trên tuyến quốc lộ đã gây ra không ít khó khăn cho việc bán hàng của Công ty. Trước khó khăn trên Công ty tiếp tục chỉ đạo tập trung nguồn lực đảm bảo chất lượng sản phẩm. Bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh, thường xuyên nắm bắt thông tin về nhu cầu của khách hàng để đưa ra các giải pháp thích hợp để tăng sản lượng xi măng bán vào các thị trường có giá bán cao.

Phối hợp chặt chẽ với các nhà máy xi măng trong và ngoài Vinacomin để quản lý chặt chẽ thị trường, giá bán theo đúng sự chỉ đạo, điều hành thị trường của Tổng công ty nên đã hạn chế được tình trạng các sản phẩm xi măng của các Công ty trong Vinacomin cạnh tranh nhau giá bán trên cùng một thị trường. Một số thị trường như Thái nguyên; Bắc Kạn; Bắc sơn; Bình gia; Lạng sơn là thị trường chủ



đạo có ít loại xi măng cạnh tranh vì vậy trong năm qua Công ty đã duy trì được sản lượng và tăng giá bán đáng kể tại các thị trường này.

Thị trường xuất khẩu Clinker tương đối ổn định mặc dù tiêu thụ Clinker mang lại lợi nhuận không cao nhưng đã giúp duy trì sản xuất được ổn định, tạo việc làm ổn định cho người lao động.

Công ty đã tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời, hàng tháng Công ty thực hiện đầy đủ việc đối chiếu công nợ với khách hàng, đôn đốc việc thu hồi công nợ.

*** Công tác kỹ thuật công nghệ, cơ điện và điều hành sản xuất:**

Công tác kỹ thuật đã có những cố gắng lớn trong kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra với chất lượng xi măng xuất kho luôn đạt 100% theo tiêu chuẩn Việt Nam. Quy hoạch tốt công tác tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, cải tiến công tác kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh phối liệu hợp lý, nâng cao được chất lượng clinker sản xuất, duy trì tỷ lệ pha phụ gia xỉ trong xi măng đạt kế hoạch giao nên thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm năm 2014 đã duy trì ổn định ở mức cao.

Công tác điều độ sản xuất được thực hiện nhịp nhàng, tháo gỡ kịp thời những vướng mắc trong sản xuất duy trì hai dây chuyền sản xuất hoạt động liên tục ổn định. Khâu điều độ quy hoạch kho bãi nguyên vật liệu tận dụng điều kiện kho bãi linh hoạt nên đã bảo quản tốt nguyên vật liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển.

Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn. Tổ chức bảo dưỡng định kỳ thiết bị dây chuyền sản xuất theo kế hoạch để duy trì tình trạng kỹ thuật phòng ngừa sự cố để tăng thời gian huy động của thiết bị.

Năm 2014 điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như : máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm nên đã giảm giá điện năng bình quân thực hiện 5% so với kế hoạch giao tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

*** Công tác kế hoạch, khoán quân:**

+ Công tác kế hoạch đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để triển khai xây dựng và đề xuất Lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tuần, tháng, quý tới từng đơn vị sản xuất sát với



nhệm vụ, năng lực thiết bị được giao đồng thời tổ chức nghiệm thu, phân tích kiểm điểm và đề xuất các biện pháp để tổ chức và chỉ đạo sản xuất kịp thời.

+ Công tác vật tư đã quản lý, cung ứng vật tư năm 2014 với tổng giá trị trên 314,5 tỷ đồng. Thủ tục mua bán vật tư thực hiện theo đúng quy chế quản lý vật tư của Công ty, của Tổng Công ty và của Tập đoàn. Vật tư mua đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của sản xuất.

*** Công tác quản lý kế toán, tài chính:**

Hoạt động kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện tốt chức năng tổ chức công tác hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại Công ty. Phục vụ kịp thời các yêu cầu về vốn của các bộ phận theo đúng chế độ quy định. Đồng thời cũng làm tốt công tác tham mưu cho Giám đốc trong hoạt động tài chính, góp phần điều tiết và sử dụng đồng vốn của Công ty một cách an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm trên 8 tỷ đồng chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch Tổng công ty giao. Quản lý tốt sổ cổ đông và thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần theo quy định.

*** Công tác Tổ chức nhân sự và Lao động tiền lương:**

Trong năm 2014 đã chủ động cùng các đơn vị liên quan cân đối, sắp xếp cơ cấu lại lao động hợp lý đảm bảo đủ định biên cho dây chuyền sản xuất chính, giảm thiểu lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ tính đến thời điểm 31/12/2014 số lao động hiện có của Công ty là 747 người giảm 30 người so với số đầu năm 2014.

Công tác tiền lương đã tổ chức quản lý và phân phối tiền lương, tiền công cho người lao động an toàn thỏa đáng đúng nguyên tắc, kiểm tra kiểm soát chặt chẽ không có vi phạm trong phân phối thu nhập đối với người lao động. Giải quyết các chế độ BHXH, YT, KPCĐ cho người LĐ trong Công ty đầy đủ đúng pháp luật. Công tác khen thưởng, kỷ luật thực hiện tốt theo đúng các quy định của Công ty.

*** Các phân xưởng sản xuất:**

Các phân xưởng trong năm nhìn chung đã chủ động trong công việc dựa trên kế hoạch được giao và các chỉ tiêu đã giao khoán. Nhìn chung các phân xưởng sản xuất và phục vụ cơ điện đã phát huy tính tự chủ, sáng tạo trong sản xuất phối hợp nhịp nhàng thực hiện nhiệm vụ được giao.



*** *Khôi phục vụ:***

Đã giúp việc cho Lãnh đạo Công ty chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho CNVC -LĐ. Quan tâm cải tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp, chú trọng xây dựng khu tập thể xóm thợ cho CNVC trở thành khu tập thể văn hóa.

Lực lượng bảo vệ phối hợp tốt với địa phương trong địa bàn làm công tác an ninh trật tự khu vực, giữ gìn trật tự an ninh, đẩy lùi tệ nạn xã hội, thực hiện tốt công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu.

*** *Công tác an toàn bảo hộ lao động:***

Công tác ATBHLĐ năm 2014 đã được lãnh đạo công ty quan tâm chỉ đạo sâu sát và thường xuyên. Hội đồng BHLĐ của công ty đã tham mưu tư vấn tích cực cho Công ty về công tác AT-VSLĐ. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát những công việc, những nơi có nhiều nguy cơ gây ra TNLĐ, đề xuất được nhiều biện pháp phòng ngừa TNLĐ, bệnh nghề nghiệp. Tuyên truyền giáo dục, huấn luyện về BHLĐ: Công việc này được thực hiện thường xuyên, kết hợp áp dụng qui chế thưởng phạt trong công tác AT-BHLĐ để tăng thêm hiệu quả.

2. *Tình hình tài chính*

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ) và đã phản ánh đúng, trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Trích khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao thực hiện theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định .

- Thanh toán cho người bán đúng hợp đồng, các khoản gốc, lãi vay đến hạn trong năm đều đã được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng kỳ hạn.

- Trích lập các quỹ theo Luật định: Việc trích lập các quỹ và việc sử dụng các quỹ trong năm do HĐQT Công ty quyết định trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2.1. *Tình hình tài sản*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản

*** *Tình hình tài sản tại thời điểm 31/12/2014:***

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014
-----	----------	------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

I	Tài sản ngắn hạn	74.441.029.223
II	Tài sản dài hạn	541.076.657.571
	Tổng cộng	615.517.686.794

*** Tình hình công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2014:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014
1	Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	22.473.402.830
2	Trả trước cho người bán	132.832.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	476.056.332
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(391.999.809)
	Tổng cộng	22.690.291.353

Tính đến thời điểm 31/12/2014 giá trị tổng tài sản của Công ty giảm gần 80 tỷ so với thời điểm 31/12/2013 chủ yếu do giá trị tài sản cố định trích khấu hao và không đầu tư bổ sung đồng thời nhượng bán thanh lý một số tài sản đã lạc hậu và một số tài sản khác không có nhu cầu sử dụng đã hết khấu hao để thu hồi vốn với giá trị thu hồi 3,56 tỷ đồng, hàng tồn kho giảm gần 13 tỷ đồng.

Đối với các khoản công nợ phải thu đều được đối chiếu xác nhận với khách hàng đầy đủ và đây cũng là khoản nợ luân chuyển trong thời hạn cho phép tuy nhiên trong năm cũng để phát sinh 188 triệu đồng công nợ phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

2.2. Tình hình nợ phải trả*** Dư nợ vay của Công ty tại thời điểm 31/12/2014:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014
I	Nợ ngắn hạn	241.427.821.142
II	Nợ dài hạn	265.252.757.345
	Tổng cộng	506.680.578.487

*** Tình hình công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014:**

Đơn vị: VNĐ



STT	Chỉ tiêu	31/12/2014
1	Phải trả người bán	128.508.959.669
2	Người mua trả tiền trước	2.812.442.588
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	8.854.011.818
4	Phải trả người lao động	11.634.621.745
5	Phải trả nội bộ	886.059.451
6	Các khoản phải trả khác	10.771.838.308
	<i>Trong đó: + Tiền cổ tức trả cho các Nhà đầu tư</i>	<i>10.021.673.000</i>
	<i>+ Các khoản phải trả khác</i>	<i>750.165.308</i>
7	Chi phí phải trả	1.275.694.610
8	Vay và nợ ngắn hạn	97.750.000.000
9	Vay và nợ dài hạn	241.252.757.345
10	Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	2.934.192.953

*** Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.**

Do Công ty có chính sách trả tiền chậm cho nhà cung cấp, nên việc công nợ phải trả luân chuyển thường xuyên do đó không có biến động lớn nào về công nợ phải trả.

*** Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.**

Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, các khoản nợ phải trả đều được kiểm soát và thanh toán đầy đủ, đúng hạn. Đến thời điểm 31/12/2014 Công ty đang có khoản vay nợ ngoại tệ để thực hiện đầu tư cho các dự án với số tiền: 1.750.911,04 USD; dư nợ vay tín dụng tương đối lớn, do vậy khi nhà nước có thay đổi tỷ giá ngoại tệ, lãi suất tiền vay lớn cũng sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2014 Công ty đã tổ chức sắp xếp, cơ cấu hợp lý hóa lao động trong toàn Công ty, tính đến thời điểm 31/12/2014 đã giảm số lao động so với thời điểm 31/12/2014 là 30 người. Đã áp dụng trả lương cho NLĐ quản lý, phục vụ gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Ban hành Quy định nhiệm vụ cụ thể cho công nhân vận hành thực hiện các nội dung công việc chăm sóc, bảo dưỡng thiết bị, vệ sinh nơi làm việc đã được tính trong đơn giá tiền lương. Ban



hành quy định cơ chế trả lương cho các phân xưởng vận hành khi để xảy ra sự cố thiết bị hoặc sự cố về công nghệ.

Ban hành Quy chế quản lý công nợ quy định những nguyên tắc về quản lý và xử lý công nợ trong Công ty cổ phần xi măng La Hiên; Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.

Tiếp tục rà soát để quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tiếp tục công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những diễn biến của thị trường để điều chỉnh chính sách kịp thời phù hợp, giữ thị trường truyền thống nhất là thị trường tiêu thụ trong tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tạo điều kiện cho các Cổ đông thực sự là người làm chủ doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh, gọn và chất lượng, tăng cường bộ phận khai thác thị trường, tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và ổn định.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014 nhận thức rõ được những khó khăn và thách thức trong thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông giao cho như: Môi trường kinh doanh của công ty ngày càng cạnh tranh khốc liệt, thị trường diễn biến phức tạp, sản phẩm xi măng trên thị trường dư thừa nhiều do cung nhiều hơn cầu, thị trường bất động sản đã phục hồi nhưng chậm, chi phí đầu vào cho sản xuất tăng, điều đó đã làm ảnh hưởng lớn đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận của Công ty. Thiết bị sản xuất xi măng sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều, năng suất và thời gian huy động thiết bị chưa cao. Số lượng lao động lớn, chỉ số giá tiêu dùng tăng cao đã làm cho đời sống công nhân viên chức lao động gặp nhiều khó khăn đó là những áp lực rất lớn trong năm 2014 đối với tập thể lãnh đạo và toàn thể công nhân viên chức của công ty.

Trong bối cảnh kinh tế đầy khó khăn và thử thách này, Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết sách có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển và ổn định của Công ty.

Hội đồng quản trị giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các nghị quyết. Trong năm 2014 Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy năm 2014 Công ty không đạt kế hoạch sản xuất, tiêu thụ, mà đại hội đồng cổ đông đề ra, nhưng Ban điều hành đã tìm nhiều giải pháp khắc phục khó khăn khách quan, sát sao trong điều hành sản xuất, tìm nhiều giải pháp áp dụng để tiết kiệm chi phí đã cho được kết quả khả quan tăng được năng suất, chất lượng sản phẩm tạo được mặt bằng giá bán sản phẩm mới có thể bù đắp chi phí và đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông cao hơn so với kế hoạch trình tại đại hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban đầu tuần để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD để đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.



- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây là một năm thành công trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên năm qua đã gặt hái được nhiều thành công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2015 kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng và phải cạnh tranh gay gắt hơn. Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực phấn đấu cao nhất, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ.

Năm 2015 dự báo thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh khốc liệt, khó khăn và thách thức đối với Công ty còn lớn. Tình hình đó sẽ tác động trực tiếp ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Công ty.

Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2015 như sau:

* Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	Ghi chú
A	Chỉ tiêu hiện vật			
I	Sản lượng sản xuất	Tấn	650.000	
1	Xi măng	“	500.000	
2	Clinker thương phẩm	“	150.000	
II	Sản lượng tiêu thụ	“	650.000	
1	Xi măng	“	500.000	
2	Clinker thương phẩm	“	150.000	
B	Doanh thu, Thu nhập khác	Tr.đ	573.548,77	
1	Xi măng	Tr.đ	474.507,65	
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	93.163,63	
3	Doanh thu và thu nhập khác	Tr.đ	5.877,49	
C	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	17.505,73	
D	Cổ tức	%	8,00	



G	Nộp NS nhà nước	Tr.đ	24.559,63	
E	Lao động và thu nhập			
1	Lao động bình quân	Người	773	
2	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	5.896.836	

*** Công tác đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu của công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2015: Tổng giá trị đầu tư ước tính: 13.921 triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như: Dự án mỏ đá vôi Đồng Chuông, mở rộng mỏ sét Cúc Đường.

*** Công tác sản xuất kinh doanh:**

- Công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm: Bám sát những biến động của thị trường, giá cả, phân tích khách hàng, đánh giá các đối tượng cạnh tranh giúp Công ty đề ra các chính sách phù hợp để giữ thị trường. Tích cực trong quản lý thị trường, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ đảm bảo an toàn vốn góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Áp dụng các biện pháp điều hành và quản lý năng suất thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng với mục tiêu điều hành sản xuất đủ clinker nghiền phục vụ sản xuất và tiêu thụ trên 650.000 tấn/năm.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Bổ xung hoàn chỉnh đầy đủ các quy trình vận hành, quy trình bảo dưỡng thiết bị. Tăng cường kiểm tra vệ sinh thiết bị. Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa hợp lý, chuẩn bị tốt nhân lực vật tư để tổ chức bảo dưỡng thiết bị, dây chuyền có kế hoạch cụ thể tăng thời gian huy động của một số thiết bị chủ yếu như lò quay, máy nghiền than, máy nghiền liệu sống, máy nghiền xi măng, công đoạn gia công đá vôi.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát bảo dưỡng sửa chữa và vệ sinh thiết bị hàng ngày. Xây dựng kế hoạch BDSC hợp lý, thành lập tổ kiểm tra, kiểm tu thiết bị ở mỗi đơn vị phân xưởng và cảnh báo cho đơn vị quản lý và phòng Cơ Điện về tình



trạng kỹ thuật thiết bị để ngăn ngừa sự cố. chuẩn bị tốt nhân lực vật tư để tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa, TĐT thiết bị theo có kế hoạch tránh tình trạng thiết bị sự cố phải sửa chữa theo tình thế. Tăng thời gian huy động thiết bị.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ sản xuất kinh doanh đặc biệt là công tác quản lý kỹ thuật, cơ điện, đầu tư xây dựng, khoán và quản trị chi phí, tài chính, kế toán và lao động tiền lương, vật tư. Thực hiện theo đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của Tập Đoàn TKV và của Tổng Công ty.

- Tăng cường công tác khoán quản chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thông qua các giải pháp mạnh. Xiết chặt việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật như định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, nhiên liệu, điện năng theo hướng giảm định mức tiết giảm chi phí 0,5%. Khoán tiền lương cho các khối sản xuất.

- Xây dựng cơ chế phù hợp triển khai mô hình khoán giá thành công đoạn sản xuất các phân xưởng Cấp liệu, lò quay, Thành Phẩm, Khai thác đá nhằm nâng cao tính tự chủ sáng tạo trong quản lý điều hành sản xuất tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Tiếp tục nâng cao và hoàn thiện đội ngũ cán bộ quản lý đặc biệt là quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất ở các phân xưởng đủ sức đảm đương nhiệm vụ được giao. Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận trong công ty: để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty được nhịp nhàng, hiệu quả.

- Thực hiện và đảm bảo công tác kỹ thuật an toàn, BHLĐ trong SX, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các qui trình, qui phạm, nội qui an toàn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng qui định của Tập đoàn CN than và khoáng sản Việt nam và Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc Vinacomin về công tác AT-BHLĐ, tránh để xảy ra các sự cố và tai nạn đáng tiếc.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật cơ điện, công tác sáng kiến cải tiến, quản lý tốt chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa tài sản cấp trung đại tu. Duy trì tốt và thực hiện có hiệu quả hệ thống QLCL ISO 9001: 2008.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành Công ty.

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm báo cáo tài chính gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ô. Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc	0,030%	Thành viên không điều hành
2	Ô. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty	0,123%	
3	B. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng Công ty	0,100%	
4	Ô. Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên HĐQT	0,066%	Thành viên không điều hành
5	Ô. Trần Việt Cường	Ủy viên HĐQT	0,035%	Thành viên không điều hành
6	Ô. Nông Nhật Ba	Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc Công ty	0,049%	Không còn điều hành từ ngày 25/01/2014

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị đều phải chịu trách nhiệm về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và pháp luật của Nhà nước về nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực thi hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Những nghị quyết về công tác tổ chức và cán bộ, chủ trương liên doanh, hợp tác nước ngoài, đầu tư các dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế quản lý cần có sự thống nhất của tất



cả các thành viên Hội đồng quản trị, trong trường hợp các vấn đề trên đã thảo luận đến 03 lần không đạt được thống nhất (100%) thì biểu quyết theo đa số. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng và các cá nhân trong toàn Công ty.

Trường hợp khi triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị mà phát hiện có vấn đề vướng mắc thì Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để giải quyết.

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Trong năm đã triển khai các cuộc họp như sau:

S TT	Ngày	Nội dung	Kết quả cuộc họp
01	9/01/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Phê duyệt quyết toán hoàn thành công trình: Cải tạo hệ thống đường giao thông nội bộ giai đoạn II. 2. Phê duyệt quyết toán gói thầu: Cung cấp thiết bị, hướng dẫn lắp đặt, hướng dẫn công nghệ vôi đốt năm kênh dùng cho lò quay xi măng 3,5x52m. 3. Thông qua kết quả SXKD quý IV năm 2013 và giao kế hoạch SXKD quý I năm 2014.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
02	20/2/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Phê duyệt và ban hành “Quy chế thực hiện dân chủ trong Công ty” 2. Phê duyệt và ban hành “Quy chế đối thoại giữa Giám đốc với người lao động trong Công ty”	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
03	10/3/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1, Phê duyệt dự toán quan trắc môi trường định kỳ năm 2014. 2, Triệu tập tổ chức đại hội đồng cổ đông	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

		thường niên năm 2014	
04	15/04/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1, Phê duyệt dự toán sửa chữa tài sản cố định cấp TĐT thiết bị máy làm nguội Clinker TC-862 mã số LG03 2, Phê duyệt dự toán sửa chữa tài sản cố định cấp TĐT thiết bị máy nghiền liệu HRM 2800 mã số: LB03	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
05	24/04/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1, Thông qua kết quả hoạt động SXKD quý I năm 2014. 2, Giao kế hoạch quý II năm 2014.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
06	24/04/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc : 1, Phê duyệt và ban hành quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động trong Công ty CP XMLH. 2, Phê duyệt và ban hành quy chế quản lý công nợ trong Công ty CP XMLH. 3, Phê duyệt và ban hành quy chế vay vốn của CBCNV trong Công ty CP XMLH	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
07	29/4/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: Đề nghị cấp giới hạn mức tín dụng tại chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương Thái Nguyên.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
08	27/05/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1, Phê duyệt dự toán TĐT hệ thống thiết bị vòi đốt dây chuyền lò quay 1 mã số Q542; Q306 2, Phê duyệt dự toán thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ thiết bị điện năm 2014.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
09	2/06/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: Phê duyệt đề nghị cấp giới hạn tín dụng tại ngân hàng ĐT&PT Việt Nam-Chi nhánh Thái Nguyên.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

10	11/07/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Phê duyệt phương án bồi thường GPMB tuyến đường từ mỏ đá vôi Đồng Chuông ra QL số 1B. 2. Phê duyệt dừng không thực hiện dự án trạm phát điện tận dụng nhiệt thừa; Kè đá chắn đất Công ty cổ phần xi măng La Hiên. 3. Phê duyệt quy chế quản lý LĐTL của Công ty cổ phần xi măng La Hiên.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
11	31/07/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Thông qua kết quả SXKD quý II và giao kế hoạch SXKD quý III năm 2014 cho Công ty cổ phần xi măng La Hiên. 2. Phê duyệt và ban hành quy chế của ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng của Công ty cổ phần xi măng La Hiên.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
12	31/07/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Phê duyệt quyết toán sửa chữa TSCĐ cấp TĐT máy nghiền liệu sống HRM 2800A. 2. Phê duyệt quyết toán sửa chữa TSCĐ cấp TĐT máy làm nguội clinker TC862.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
13	14/8/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc: 1. Phê duyệt nhà thầu tư vấn khảo sát lập báo cáo KTKT kho chứa NVL phụ gia xỉ thạch cao. 2. Phê duyệt thanh sử lý TSCĐ Công ty cổ phần xi măng La Hiên. 3. Phê duyệt quy trình công bố thông tin của Công ty cổ phần xi măng La Hiên.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
14	30/8/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc Quyết toán chi phí sửa chữa TSCĐ cấp TĐT thiết bị vòi đốt dây chuyền lò quay 1 Mã số: Q542, Q306.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

15	30/9/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc 1, Phê duyệt báo cáo KTKT công trình kho chứa NVL xi thạch cao. 2. Phê duyệt quyết toán dự án ĐTXD trạm phát điện tận dụng nhiệt thừa. 3. Phê duyệt quyết toán dự án ĐTXD kè đá chắn đất.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
16	27/10/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc 1. Thông qua kết quả SXKD quý III và 9 tháng đầu năm 2014. 2. Giao kế hoạch SXKD quý IV năm 2014 cho Công ty cổ phần xi măng La Hiên. 3. Phê duyệt quyết toán thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện năm 2014.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
17	8/12/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc Phê duyệt quyết toán chi phí quan trắc môi trường định kỳ năm 2014.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
18	26/12/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc 1. Phê duyệt và ban hành quy chế quản lý mua sắm và sử dụng vật tư của Công ty cổ phần xi măng La Hiên. 2. Phê duyệt và ban hành quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty cổ phần xi măng La Hiên.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết
19	29/12/2014	Biên bản họp HĐQT công ty về việc Phê duyệt điều chỉnh đơn giá tiền lương (sản xuất xi măng, clinker, vận chuyển) năm 2014.	HĐQT 100% nhất trí thông qua nghị quyết

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, mặc dù Công ty không hoàn thành kế hoạch về sản lượng và doanh thu nhưng vẫn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận và



nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý và có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ đạo sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, có hiệu quả cùng với việc xây dựng định mức tiền lương hợp lý. So với thời điểm 31/12/2013 Công ty đã giảm được 2,86% số lao động.

Giám sát, chỉ đạo Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh và giải quyết những khó khăn, tồn tại của Công ty.

Chỉ đạo kịp thời trong việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, chiến lược kinh doanh. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định trong điều lệ Công ty.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Công ty có 03 thành viên HĐQT độc lập không điều hành, các thành viên này luôn thực hiện tốt vai trò trong việc giám sát, làm giảm nguy cơ lạm dụng quyền hạn của những người quản lý công ty, bảo vệ lợi ích chính đáng của cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và sự phân công của HĐQT.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Không có.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- Đến thời điểm 31/12/2014 HĐQT Công ty có 05 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lĩnh vực đào tạo
1	Ông. Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	Kỹ sư cơ điện mô, kỹ sư kinh tế, cử nhân luật.
2	Ông. Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư khai thác, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
3	Bà. Lê Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT	Thạc sỹ kinh tế, chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
4	Ông. Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên HĐQT	Cử nhân kinh tế, chứng chỉ



			đào tạo quản trị công ty.
5	Ông. Trần Việt Cường	Ủy viên HĐQT	Kỹ sư điện.

2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu ra. Ban kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hoạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo tài chính Công ty.

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Bà. Nguyễn Hồng Hạnh	Trưởng ban	0%	
2	Ông. Lã Đại Dương	Ủy viên	0%	
3	Ông. Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên	0,101%	

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

a. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát (BKS) hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, do vậy mỗi thành viên trong BKS phải chủ động với nhiệm vụ được phân công, thường xuyên báo cáo, cung cấp thông tin cho trưởng BKS về hoạt động SXKD của Công ty theo từng lĩnh vực để trưởng ban xem xét tổng hợp báo cáo HĐQT.

Họp định kỳ mỗi năm ít nhất 02 lần (06 tháng một lần) họp lần 1 sau khi kết thúc quý II, họp lần 2 sau khi kết thúc năm kế hoạch (BKS họp trước khi HĐQT Công ty họp kiểm tra tình hình thực hiện kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và năm kế hoạch). Lịch họp cụ thể do trưởng BKS triệu tập các thành viên, nội dung họp của BKS nhằm kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán thống kê và báo cáo tài chính của Công ty. Sau mỗi lần triệu tập làm việc BKS tiến hành họp kiểm điểm hoạt động nhiệm vụ kỳ trước và có kế hoạch nhiệm kỳ tiếp theo.

Ngoài chương trình làm việc định kỳ trên, trưởng BKS có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết công việc cần thiết theo yêu cầu của HĐQT, các cổ đông hoặc theo đơn thư khiếu nại của CBCNV Công ty.

Trước khi tiến hành kiểm tra, Ban kiểm soát có văn bản báo cáo HĐQT về nội dung và thời gian tiến hành kiểm tra. Hoạt động của BKS không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty.



Tham mưu cho HĐQT thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập, thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán, thảo luận về những vấn đề khó khăn tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập tư vấn.

b. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 2 cuộc họp để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

+ Lần 1 họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của 6 tháng đầu năm 2014.

+ Lần 2 họp sau khi phát hành báo cáo tài chính kết thúc hoạt động của năm 2014.

Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên trong Ban kiểm soát nhất trí 100%.

c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính trong năm 2014 như sau:

*** Về công tác quản trị và điều hành Công ty:**

- Hội đồng quản trị:

+ HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

+ Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

+ Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

+ Giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đề ra.

+ Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước đồng thời đoàn kết với Ban điều hành



cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Năm 2014, Hội đồng quản trị đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

- Ban Điều hành:

Cùng với HĐQT, Ban điều hành có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Mặc dù nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn; thị trường tiêu thụ xi măng trong nước cung vẫn vượt cầu, cạnh tranh vẫn diễn ra khốc liệt; song Ban điều hành đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, cụ thể:

+ Công ty đã có những giải pháp thích hợp để tăng hiệu quả SXKD; sản lượng tiêu thụ xi măng tuy không đạt so với kế hoạch đề ra, nhưng Công ty đã có giải pháp tích cực giữ vững được thị trường truyền thống, tăng giá bán xi măng so với kế hoạch giao từ 50.000 đến 60.000đ/tấn làm tăng hiệu quả kinh doanh của công ty.

+ Tăng mức Clinker, tăng tỷ lệ pha phụ gia so với kế hoạch, góp phần giảm giá thành sản phẩm và ổn định được chất lượng sản phẩm.

+ Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm nên đã giảm giá điện năng bình quân thực hiện 5% so với kế hoạch giao tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

Kết quả năm 2014, bộ máy điều hành đã hoàn thành vượt mức kết quả sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể: lợi nhuận trước thuế đạt 26,886 tỷ đồng/kế hoạch: 17,5 tỷ đồng bằng 153,64% so với kế hoạch, tỷ lệ trả cổ tức đạt 10%/VĐL/ kế hoạch: 6%/VĐL bằng 166,66% so với kế hoạch.

*** Về tình hình hoạt động tài chính kế toán của Công ty:**

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế



toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Sau khi thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính năm 2014 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên -VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính kế toán hiện tại của Công ty.

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

*** Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành:**

Giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2014, HĐQT cùng Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

*** Kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành:**

Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2015, đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục quản lý tốt chất lượng vật liệu sản xuất, phối liệu sống nhằm nâng cao chất lượng clinker sản xuất để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng và giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho một tấn sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng hợp lý, bảo dưỡng đúng định kỳ đồng thời tăng cường công tác kiểm tra sớm phát hiện các sự cố về thiết bị, công nghệ có thể xảy ra để có phương án xử lý kịp thời nhằm đưa thiết bị trở lại hoạt động sớm nhất có thể. Tìm hiểu và phân tích rõ nguyên nhân gây ra sự cố từ đó đưa ra biện pháp đề phòng nhằm hạn chế việc phải dừng nhiều lần do cùng một nguyên nhân để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng thời gian hoạt động của thiết bị.



- Tăng cường công tác thị trường, giữ vững thị trường truyền thống; đặc biệt là thị trường tỉnh Thái Nguyên và không ngừng phát triển thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, tăng vòng quay vốn.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015.

- Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2014. Đề nghị Công ty tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 10/04/2014 đã thông qua các mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

STT	Chức danh	Hệ số lương bậc 2/2 chuyên trách	Mức phụ cấp hàng tháng trách nhiệm hàng tháng của người hoạt động kiêm nhiệm (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	6,64	6,64 x Ltt x30%
2	Ủy viên HĐQT	5,65	5,65 x Ltt x30%
3	Trưởng Ban kiểm soát	5,65	5,65 x Ltt x30%
4	Ủy viên Ban kiểm soát	5,32	5,32 x Ltt x30%

Tiền lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác cho các thành viên HĐQT và BKS trong năm 2014 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Ngô Ngọc Sơn	CT HĐQT			25.099.200	25.099.200

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMi**

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: http://www.ximanglahien.com.vn

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

2	Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT-GĐ	285.347.232		21.357.000	306.704.232
3	Nông nhật Ba	TV HĐQT	12.692.188		1.779.750	14.471.938
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT	163.789.505		21.357.000	185.146.505
5	Trần Việt Cường	TV HĐQT	116.803.678		21.357.000	138.160.678
6	Lê Thị Thu Hiền	TV HĐQT	217.107.942		16.017.750	233.125.692
7	Nguyễn Hồng Hạnh	Trưởng BKS			21.357.000	21.357.000
8	Lã Đại Dương	UV BKS			20.109.600	20.109.600
9	Nguyễn Xuân Hậu	UV BKS	104.038.740		20.109.600	124.148.340
	Tổng Cộng		899.779.283		168.543.900	1.068.323.183

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2014 Công ty có thực hiện việc giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ như sau:

Số TT	Họ và tên	CP Tăng	CP Giảm	CP hiện có tại 31/12/2014
1	Nguyễn Xuân Hậu	7.300		10.100

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kèm theo BCTC được kiểm toán)

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC -
VINACOMIN**

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

04:
0N:
0P
0G
0V
07.1

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến - VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiến - VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiến, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 2228/QĐ-HDQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 03 ngày 21/05/2014, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND được chia thành 10.000.000 cổ phần, danh sách cổ đông sáng lập như sau:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	51.383.000.000	51,38%
2	Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á	1.000.000.000	1,00%
3	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	7.000.000.000	7,00%
4	Các cổ đông khác	40.617.000.000	40,62%
	Cộng	100.000.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên:	Chức vụ:
- Ông Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
- Ông Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên
- Bà Lê Thị Thu Hiền (i)	Ủy viên
- Ông Trần Việt Cường	Ủy viên
- Ông Nông Nhật Ba	Ủy viên (Không điều hành từ ngày 25/01/2014)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty cổ phần xi măng La Hiến - VVMI ngày 10/04/2014, bà Lê Thị Thu Hiền là thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2018.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc
- Ông Lê Bá Chức	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Tập	Phó Giám đốc
- Ông Vũ Ngọc Bách	Phó Giám đốc
- Ông Bùi Xuân Hồng	Phó Giám đốc
- Ông Nông Nhật Ba	Phó Giám đốc (Không điều hành từ ngày 25/01/2014)

Ban Kiểm soát:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Trưởng ban
- Ông Lê Đại Dương	Ủy viên
- Ông Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất xi măng, đá vôi và thạch cao; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2015

GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Dũng

W * MS *

Số: 586/2015/BCKT-AFCHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI được lập ngày 15 tháng 03 năm 2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

33/AB
 C
 C
 C
 XIM
 2/HA

33/AB
 C
 TRAC
 K
 AFC
 C
 THANH

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Nguyễn Hồng Quang
Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0576-2013-009-1

Trần Đình Dũng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1788-2013-009-1

04:
ĐN/
J.P
VG
/V
C.T

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiền, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		74.441.029.223	105.296.039.102
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	1.409.479.223	8.699.845.609
Tiền	111		1.409.479.223	8.699.845.609
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.690.291.353	31.339.998.618
Phải thu khách hàng	131		22.473.402.830	30.800.039.220
Trả trước cho người bán	132		132.832.000	5
Các khoản phải thu khác	135	5.2	476.056.332	742.984.202
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(391.999.809)	(203.024.809)
Hàng tồn kho	140	5.3	50.293.565.930	63.026.375.371
Hàng tồn kho	141		50.293.565.930	63.026.375.371
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		47.692.717	2.229.819.504
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.178.931.787
Tài sản ngắn hạn khác	158		47.692.717	50.887.717
Chi sự nghiệp			-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		541.076.657.571	590.128.775.227
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		528.097.541.950	580.796.316.999
TSCĐ hữu hình	221	5.4	510.092.130.339	561.833.026.751
- Nguyên giá	222		919.215.955.541	928.966.730.382
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(409.123.825.202)	(367.133.703.631)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
TSCĐ vô hình	227	5.5	17.577.748.766	18.298.207.480
- Nguyên giá	228		21.458.340.973	21.458.340.973
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(3.880.592.207)	(3.160.133.493)
Chi phí XD/CB dở dang	230	5.6	427.662.845	665.082.768
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		12.979.115.621	9.332.458.228
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	12.780.506.107	9.198.453.303
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	5.8	198.609.514	134.004.925
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		615.517.686.794	695.424.814.329

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiền, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
NỢ PHẢI TRẢ	300		506.680.578.487	596.246.631.134
Nợ ngắn hạn	310		241.427.821.142	120.367.574.018
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	97.750.000.000	79.950.000.000
Phải trả người bán	312		104.508.959.669	28.485.892.693
Người mua trả tiền trước	313		2.812.442.588	238.061.545
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	8.854.011.818	2.053.024.505
Phải trả người lao động	315		11.634.621.745	6.429.176.092
Chi phí phải trả	316	5.11	1.275.694.610	2.324.903.831
Phải trả nội bộ	317		886.059.451	538.391.586
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	10.771.838.308	325.221.615
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.934.192.953	22.902.151
Nợ dài hạn	320		265.252.757.345	475.879.057.116
Phải trả dài hạn người bán	331		24.000.000.000	149.682.518.716
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.13	241.252.757.345	326.196.538.400
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108.837.108.307	99.178.183.195
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	108.837.108.307	99.178.183.195
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
Quỹ đầu tư phát triển	417		8.372.632.151	3.963.346.758
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	3.146.199.336
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	(8.395.839.055)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		615.517.686.794	695.424.814.329

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bàng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		3.720.000	3.720.000
Ngoại tệ các loại (USD)		459,06	215,05
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Thái Nguyên ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hoài

Lê Thị Thu Hiền

Nguyễn Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiền, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	02	6.1	575.306.633.936	584.026.934.391
2 Các khoản giảm trừ			-	-
3 Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.2	575.306.633.936	584.026.934.391
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.3	493.813.958.756	496.932.989.427
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.492.675.180	87.093.944.964
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	32.774.615	618.772.511
7 Chi phí tài chính	22	6.5	30.954.584.493	41.504.207.796
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.167.353.738	39.400.724.457
8 Chi phí bán hàng	24		7.436.227.132	30.701.777.960
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.971.040.165	16.657.336.787
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.163.598.005	(1.150.605.068)
11 Thu nhập khác	31		6.574.293.724	5.753.599.012
12 Chi phí khác	32		4.851.244.709	3.050.060.081
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.723.049.015	2.703.538.931
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.886.647.020	1.552.933.863
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	4.280.521.106	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		22.606.125.914	1.552.933.863
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.261	155

Thái Nguyên ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Hoài

Lê Thị Thu Hiền

Nguyễn Văn Dũng

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN - VVMI**

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiền, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
A	B	1	2	3	4=1+2-3
Thuế	10	2.016.249.775	25.602.382.527	21.117.367.712	6.501.264.590
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	1.850.675.872	20.267.539.084	19.106.224.638	3.011.990.318
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	14	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15		4.312.443.606	907.025.252	3.405.418.354
Thuế tài nguyên	16	51.814.976	897.606.738	870.597.685	78.824.029
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17	-	198.097.027	198.097.027	-
Các khoản thuế khác	18	113.758.927	(73.303.928)	35.423.110	5.031.889
Thuế môn bài		-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế TNCN		113.758.927	(76.303.928)	32.423.110	5.031.889
Thuế khác		-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	30	36.774.730	2.820.802.543	504.830.045	2.352.747.228
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	23.874.730	2.820.802.543	491.930.045	2.352.747.228
Các khoản khác	33	12.900.000	-	12.900.000	-
Thu điều tiết		-	-	-	-
Các khoản nộp phạt		-	-	-	-
Nộp khác		12.900.000	-	12.900.000	-
Tổng cộng (40 = 10+ 30)	40	2.053.024.505	28.423.185.070	21.622.197.757	8.854.011.818

Thái Nguyên ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Hoài

Lê Thị Thu Hiền

Nguyễn Văn Dũng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiền, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

Nội dung	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	26.886.647.020	1.552.933.863
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	50.091.070.806	51.368.550.760
Các khoản dự phòng	03	(188.975.000)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	139.983.721	1.386.205.094
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(400.761.788)	(1.466.265.640)
Chi phí lãi vay	06	30.167.353.738	39.400.724.457
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	106.695.318.497	92.242.148.534
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	8.399.322.676	(6.943.495.240)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	12.732.809.441	(7.807.614.680)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(38.575.643.125)	32.757.793.314
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.403.121.017)	546.566.548
Tiền lãi vay đã trả	13	(30.097.519.209)	(39.471.644.893)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(907.025.252)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	44.690.000	2.100.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(233.720.350)	(256.546.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56.655.111.661	71.069.307.583
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(19.341.504)	(435.105.814)
Tiền chi để mua tài sản, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản khác	22	3.335.800.000	1.580.200.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.891.185	27.885.574
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.338.349.681	1.172.979.760
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	471.451.221.791	353.736.620.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(538.735.082.129)	(430.983.381.558)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(41.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(67.283.860.338)	(77.288.461.558)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.699.845.609	13.746.047.085
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	32.610	(27.261)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.409.479.223	8.699.845.609

14
 NG
 P
 NG
 VV
 17

Thái Nguyên ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Thu Hoài

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hiền



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiên, được chuyển đổi cổ phần hóa theo quyết định số 2228/QĐ-HDQT ngày 19/9/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/05/2014. Theo đó, hoạt động của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);

224
TY
ÁN
AHI
II
TÀI P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính tại Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 747 người, trong đó số cán bộ quản lý là 60 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại tại Công văn hướng dẫn của Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin số 0011/CMV-KTTKTC là 21.380 VND/USD.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.7. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

4.8. Vốn chủ sở hữu

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 4600422240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 01/01/2008 và thay đổi lần thứ 3 ngày 21/05/2014, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	51.383.000.000	51.383.000.000	100%
Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á	1.000.000.000	1.000.000.000	100%
Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	7.000.000.000	7.000.000.000	100%
Các cổ đông khác	40.617.000.000	40.617.000.000	100%
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000	100%

4.9. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận như sau:
 - Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá được ghi nhận dựa trên thông báo của ngân hàng và tổ chức tài chính.
 - Doanh thu phát sinh từ lãi chênh lệch tỷ giá được ghi nhận dựa trên ước tính của đơn vị căn cứ vào tỷ giá tại ngày phát sinh các nghiệp vụ (đối với lãi chênh lệch tỷ giá đã thực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

hiện) và tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính (đối với lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện).

4.10. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.11. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.12. Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

4.13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	20.345.754	8.505.367.436
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	1.389.133.469	194.478.173
Các khoản tương đương tiền		-	-
Cộng		1.409.479.223	8.699.845.609

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2014 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam (VND)	-	20.345.754
Cộng	-	20.345.754

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng vào ngày 31/12/2014 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	459,06 #	9.814.703
<i>Ngoại tệ USD</i>	459,06 #	9.814.703
Đồng Việt Nam (VND)		1.379.318.766
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh</i> <i>Vượng</i>		3.902.447
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương - CN</i> <i>Thái Nguyên</i>		924.768.171
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển</i> <i>Việt Nam - CN Thái Nguyên</i>		212.338.402
<i>Ngân Hàng Phát Triển Bắc Kạn - Thái</i> <i>Nguyên</i>		26.635.233
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển</i> <i>nông thôn Việt Nam - CN Thái Nguyên</i>		96.352.540
<i>Ngân hàng quân đội - CN Thái Nguyên</i>		115.321.973
Cộng	459,06	1.389.133.469

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Bảo hiểm xã hội	344.149.012	-
Phải thu của người lao động	15.930.317	705.543.111
Phải thu khác	115.977.003	37.441.091
Cộng	<u>476.056.332</u>	<u>742.984.202</u>

5.3 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	32.343.164.175	45.036.935.961
Công cụ, dụng cụ	92.336.992	239.455.416
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.769.901.834	17.740.450.307
Thành phẩm	-	9.533.687
Hàng hóa	17.181.733	-
Hàng gửi bán	70.981.196	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>50.293.565.930</u>	<u>63.026.375.371</u>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 VND
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VND
- Trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.4 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	320.356.143.259	570.117.961.999	38.173.534.215	319.090.909	928.966.730.382
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.665.389.634)	(7.085.385.207)	-	(9.750.774.841)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	320.356.143.259	567.452.572.365	31.088.149.008	319.090.909	919.215.955.541
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	122.296.426.433	214.926.194.265	29.825.282.933	85.800.000	367.133.703.631
- Khấu hao trong năm	14.451.438.412	33.072.621.054	1.782.734.444	63.818.182	49.370.612.092
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.665.389.634)	(4.715.100.887)	-	(7.380.490.521)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	136.747.864.845	245.333.425.685	26.892.916.490	149.618.182	409.123.825.202
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	198.059.716.826	355.191.767.734	8.348.251.282	233.290.909	561.833.026.751
Tại ngày cuối năm	183.608.278.414	322.119.146.680	4.195.232.518	169.472.727	510.092.130.339
Trong đó: - Cầm cố thế chấp:	160.349.319.131	311.754.287.278	4.195.232.519	-	476.298.838.928
- Đã hết KH đang sử dụng	23.407.035.473	36.752.761.489	17.159.294.249	-	77.319.091.211
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.5 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	19.826.066.535	1.632.274.438	21.458.340.973
- Mua trong năm	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	19.826.066.535	1.632.274.438	21.458.340.973
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm	1.527.859.055	1.632.274.438	3.160.133.493
- Khấu hao trong năm	720.458.714	-	720.458.714
- Tặng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	2.248.317.769	1.632.274.438	3.880.592.207
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	18.298.207.480	-	18.298.207.480
Tại ngày cuối năm	17.577.748.766	-	17.577.748.766

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Mỏ đá vôi Đồng Chuông	382.146.783	382.146.783
Trạm phát điện tận dụng nhiệt thừa	-	231.243.115
Kè chắn đá, đất	-	51.692.870
Kho chứa nguyên vật liệu	45.516.062	-
Cộng	427.662.845	665.082.768

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiền, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	(VND)	(VND)
Chi phí đền bù vành đai an toàn Mỏ đá La Hiền	-	211.702.863
Vật tư, phụ tùng thay thế	4.582.196.417	8.168.865.104
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	2.071.609.764	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCE	6.126.699.926	817.885.336
Cộng	<u>12.780.506.107</u>	<u>9.198.453.303</u>

5.8 Tài sản dài hạn khác

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	(VND)	(VND)
Ký quỹ bảo vệ môi trường	198.609.514	134.004.925
Cộng	<u>198.609.514</u>	<u>134.004.925</u>

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	(VND)	(VND)
Ngân hàng TMCP Công Thương	39.750.000.000	32.400.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	30.400.000.000	850.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển	12.600.000.000	2.700.000.000
Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc	15.000.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tài chính than	-	27.000.000.000
Cộng	<u>97.750.000.000</u>	<u>79.950.000.000</u>

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	(VND)	(VND)
Thuế Giá trị gia tăng	3.011.990.318	1.850.675.872
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.405.418.354	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.031.889	113.758.927
Thuế tài nguyên	78.824.029	51.814.976
Thuế khác	-	12.900.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.352.747.228	23.874.730
Cộng	<u>8.854.011.818</u>	<u>2.053.024.505</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	(VND)	(VND)
Chi phí lãi vay	158.748.750	88.914.221
Chi phí điện năng tiêu thụ	1.065.945.860	2.150.463.210
Phụ cấp Hội đồng quản trị	-	25.526.400
Chi phí phải trả khác	51.000.000	60.000.000
Cộng	1.275.694.610	2.324.903.831

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	(VND)	(VND)
Kinh phí công đoàn	243.798.915	43.737.001
Cổ tức phải trả	10.021.673.000	21.673.000
Đền bù GPMB kho mìn mỏ đá Đồng Chuông	32.802.015	32.802.015
Nguồn kinh phí Đảng	-	55.758.326
Các khoản phải trả, phải nộp khác	473.564.378	171.251.273
Cộng	10.771.838.308	325.221.615

5.13 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	(VND)	(VND)
Vay dài hạn	241.252.757.345	326.196.538.400
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>207.970.996.000</i>	<i>254.157.518.088</i>
NH TMCP Quân đội	625.000.000	1.869.025.000
NH Công thương - CN Thái Nguyên	-	2.172.700.000
NH TMCP Việt Nam Thịnh vượng	10.089.996.000	-
NH TMCP Đầu tư và phát triển	3.207.000.000	15.236.850.000
Ngân hàng phát triển - CN Thái Nguyên	194.049.000.000	234.878.943.088
<i>Vay đối tượng khác</i>	<i>33.281.761.345</i>	<i>72.039.020.312</i>
Công ty TNHH MTV Tài chính than	-	15.855.708.000
Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc	31.780.188.435	55.183.312.312
Tỉnh ủy tỉnh Thái Nguyên	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay cán bộ công nhân viên	501.572.910	-
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	241.252.757.345	326.196.538.400

11/01/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Khoản vay Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - VVMI bao gồm 02 hợp đồng vay bằng VND với tổng dư nợ vay 20.000.000.000 đồng và 05 hợp đồng vay bằng USD với tổng số dư gốc vay là 550.911,04 USD tương đương với 11.780.188.435 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong là 31.780.188.435 đồng). Các khoản vay này có thời hạn 5 năm, lãi suất thả nổi tùy từng thời điểm theo thông báo lãi của Tập đoàn.

Khoản vay của Tỉnh ủy Thái Nguyên bao gồm 01 hợp đồng vay bằng VND số dư gốc vay là 1.000.000.000 VND (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 0 đồng), thời hạn vay 3 năm lãi suất theo thông báo lãi của Ngân hàng TMCP công thương thái nguyên, mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, hình thức đảm bảo tiền vay tín chấp.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội bao gồm 04 hợp đồng vay với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 625.000.000 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 312.500.000 đồng). Khoản vay này có thời hạn vay là 4 năm lãi suất thả nổi theo từng thời điểm, mục đích vay vốn là đầu tư tài sản, Hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Thái Nguyên bao gồm 01 hợp đồng vay bằng VND với tổng số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 3.207.000.000 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 3.207.000.000 đồng). Khoản vay này có thời hạn vay là 9 năm, lãi suất thả nổi tùy từng thời điểm, hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay của Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm 01 hợp đồng vay, trong đó, khoản vay bằng VND với tổng dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 171.600.000.000 đồng và khoản vay bằng USD với dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 1.050.000 USD tương đương với 22.449.000.000 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 43.414.130.000 đồng). Khoản vay này có thời hạn vay là 9 năm, với 2 mức lãi suất cố định cho khoản vay VND là 8,4% /năm, và 11,4% năm; còn đối với khoản vay USD là 7,8% năm. Hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay CBCNV trong công ty bao gồm 01 hợp đồng vay của Ông Nông Nhật Ba, khoản vay bằng VND với tổng dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 501.572.910 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 501.572.910 đồng). Thời hạn vay 13 tháng với lãi suất thả nổi điều chỉnh vào cuối mỗi quý theo lãi suất của ngân hàng Công thương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

5.14 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>CL tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ DT PT</i>	<i>Quỹ DP tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	464.476.156	-	3.963.346.758	3.146.199.336	(9.948.772.918)	97.625.249.332
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.552.933.863	1.552.933.863
Tăng khác	-	-	2.422.762.048	-	-	-	2.422.762.048
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(2.422.762.048)	-	-	-	(2.422.762.048)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	100.000.000.000	464.476.156	-	3.963.346.758	3.146.199.336	(8.395.839.055)	99.178.183.195
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	22.606.125.914	22.606.125.914
Tăng khác	-	-	-	3.146.199.336	-	-	3.146.199.336
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.263.086.057	-	(4.210.286.859)	(2.947.200.802)
Giảm khác	-	-	-	-	(3.146.199.336)	(10.000.000.000)	(13.146.199.336)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	464.476.156	-	8.372.632.151	-	-	108.837.108.307

Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết họp Hội đồng quản trị số 08/NQ-HĐQT ngày 16/02/2015.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vốn góp của Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin	51.383.000.000	51.383.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	48.617.000.000	48.617.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu:

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu tư đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn đầu tư tăng trong năm	-	-
Vốn đầu tư giảm trong năm	-	-
Vốn đầu tư cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Số lượng CP đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Các quỹ của Công ty

	31/12/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	8.372.632.151	3.963.346.758
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.146.199.336
Cộng	8.372.632.151	7.109.546.094

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp d.vụ	575.306.633.936	584.026.934.391
Doanh thu bán hàng	575.198.647.573	581.679.143.928
Doanh thu cung cấp dịch vụ	107.986.363	2.347.790.463

6.2 Doanh thu thuần

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	575.306.633.936	584.026.934.391
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm HH	575.198.647.573	581.679.143.928
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	107.986.363	2.347.790.463

6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	493.705.972.393	494.627.165.338
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	107.986.363	2.305.824.089
Cộng	493.813.958.756	496.932.989.427

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.891.185	29.992.913
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.883.430	70.501.121
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	518.278.477
Cộng	32.774.615	618.772.511

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lãi tiền vay	30.167.353.738	39.400.724.457
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	647.247.034	198.999.768
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	139.983.721	1.904.483.571
Cộng	30.954.584.493	41.504.207.796

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiền, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.6 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.280.521.106	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH năm nay	-	-
Cộng	4.280.521.106	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.886.647.020
Các khoản điều chỉnh tăng:	966.106.155
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>966.106.155</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	27.852.753.175
Khoản lỗ được kết chuyển	8.395.839.055
Tổng thu nhập tính thuế	19.456.914.120
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.280.521.106
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	4.280.521.106

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	392.763.326.894	433.806.836.447
Chi phí nhân công	66.983.383.327	61.278.307.432
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.091.070.806	51.368.550.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.440.197.578	9.373.435.087
Chi phí khác bằng tiền	46.236.694.043	54.535.649.152
Cộng	569.514.672.648	610.362.778.878

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	22.606.125.914	1.552.933.863
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	22.606.125.914	1.552.933.863
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.261	15570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

6.9 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2014			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.409.479.223	-	1.409.479.223
Phải thu khách hàng	22.473.402.830	-	22.473.402.830
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	608.888.332	-	608.888.332
Tài sản tài chính khác	246.302.231	-	246.302.231
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	391.999.809	-	391.999.809
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	24.346.072.807	-	24.346.072.807

0.02
SNI
Ổ P
ANG
VV
V.T.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiền, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2014			
Các khoản vay và nợ	97.750.000.000	241.252.757.345	339.002.757.345
Phải trả người bán	104.508.959.669	24.000.000.000	128.508.959.669
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	36.234.668.520	-	36.234.668.520
Tổng cộng	238.493.628.189	265.252.757.345	503.746.385.534
Chênh lệch thanh khoản thuần	(214.147.555.382)	(265.252.757.345)	(479.400.312.727)
Ngày 01/01/2014			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.699.845.609	-	8.699.845.609
Phải thu khách hàng	30.800.039.220	-	30.800.039.220
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	742.984.202	-	742.984.202
Tài sản tài chính khác	2.229.819.509	9.332.458.228	11.562.277.737
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(203.024.809)	-	(203.024.809)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	42.269.663.731	9.332.458.228	51.602.121.959
Ngày 01/01/2014			
Các khoản vay và nợ	79.950.000.000	326.196.538.400	406.146.538.400
Phải trả người bán	28.485.892.693	149.682.518.716	178.168.411.409
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	11.908.779.174	-	11.908.779.174
Tổng cộng	120.344.671.867	475.879.057.116	596.223.728.983
Chênh lệch thanh khoản thuần	(78.075.008.136)	(466.546.598.888)	(544.621.607.024)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	22.473.402.830	30.800.039.220	22.473.402.830	30.800.039.220
<i>Các khoản phải thu khác</i>	608.888.332	742.984.202	608.888.332	742.984.202
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	1.409.479.223	8.699.845.609	1.409.479.223	8.699.845.609
Tổng cộng	24.491.770.385	40.242.869.031	24.491.770.385	40.242.869.031
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	339.002.757.345	406.146.538.400	339.002.757.345	406.146.538.400

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
<i>Phải trả người bán</i>	128.508.959.669	178.168.411.409	128.508.959.669	178.168.411.409
<i>Phải trả khác</i>	36.234.668.520	11.908.779.174	36.234.668.520	11.908.779.174
Tổng cộng	503.746.385.534	596.223.728.983	503.746.385.534	596.223.728.983

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2014 và ngày 31/12/2013. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

6.10 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán xi măng, clinker. Do đó, công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam/Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn/Tổng Công ty được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Thu nhập trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của các thành viên của HĐQT và Ban Giám đốc:

	Năm 2014
	(VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	1.504.000.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	168.543.900

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01-Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 17 - Vinacomin: Báo cáo vật tư, hàng hóa, than và dịch vụ mua nội bộ Tập đoàn.
- Phụ biểu 18-Vinacomin: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bồng, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

7.2 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần xi măng La Hiên - VVMI đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC Việt Nam.

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thu Hoài

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Thu Hiền

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiến, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

TT	Mã KH	Tên đơn vị bán	Đơn vị tính	Mua trong năm			Tồn cuối năm		
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)
A		B	C	1	2	3	4	5	6
1		Trong nội bộ Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc		5.946,77	996.902,67	56.027.893.340	-	-	-
1		Công ty CP vật liệu xây dựng & kinh doanh tổng hợp - VVMI		5.946,77	996.903	5.928.350.910	-	-	-
		Thạch cao		5.946,77	996.903	5.928.350.910	-	-	-
2		Công ty cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI		-	-	2.238.709.470	-	-	-
		Phụ tùng máy móc		-	-	1.960.444.672	-	-	-
		Sửa chữa tài sản		-	-	278.264.798	-	-	-
3		Khách sạn Thái Nguyên - VVMI		-	-	95.960.000	-	-	-
		Thuê phòng		-	-	95.960.000	-	-	-
4		Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI		-	-	47.189.255.000	-	-	-
		Vỏ bao		-	-	47.189.255.000	-	-	-
5		Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc		-	-	575.617.960	-	-	-
		Vật tư		-	-	575.617.960	-	-	-
6		Công ty than Núi Hồng - VVMI		-	-	61.922.729	-	-	-
7		Công ty cổ phần xuất nhập khẩu		-	-	302.400.000	-	-	-
8		Trung tâm điều dưỡng ngành than		-	-	423.500.000	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - VINACOMIN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN - VVMI

Địa chỉ: Xóm Cây Bông, Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

TT	Mã KH	Tên đơn vị bán	Đơn vị		Mua trong năm			Tồn cuối năm		
			tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (VND)	
A		B	C	I	2	3	4	5	6	
II		Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam		89.901,50	1.343.987	122.682.503.091	-	-	-	
1		Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam		89.901,50	1.343.987	120.826.483.861	-	-	-	
		Than cám		89.901,50	1.343.987	120.826.483.861	-	-	-	
2		Trường cao đẳng nghề mỏ Hồng Cẩm		-	-	48.530.000	-	-	-	
		Đào tạo		-	-	48.530.000	-	-	-	
3		Chi nhánh Công ty cổ phần vật tư - XN vật tư Hòa Gai		-	-	1.807.489.230	-	-	-	
		Dầu mỡ phụ		-	-	1.807.489.230	-	-	-	
		Tổng Cộng		5.946,77	996.903	178.710.396.431	-	-	-	

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hoài

Kế toán Trưởng

Lê Thị Thu Hiền

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO DOANH THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Tên khách hàng	Đơn vị	Doanh thu		Giá trị (VND)
			Số lượng	Đơn giá	
A	B	C	1	2	3
	Trong nội bộ Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc	Tấn	5.160,00		5.059.859.094
	Công ty cổ phần ĐT & XD - VVMI	Tấn	8,00	1.090.909	8.727.273
	Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI	Tấn	76,00	790.909	60.109.091
	Công ty CP SX &KD vật tư thiết bị - VVMI	Tấn	2.489,00	983.139	2.447.031.821
	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng & KD tổng hợp - VVMI	Tấn	2.587,00	983.375	2.543.990.909
	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu				2.806.932.713
	Công ty than Na Dương - VVMI				1.306.000
	Công ty cơ khí mỏ Việt Bắc				111.890.000
	Công ty xi măng Tân Quang				837.566.400
	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam		634,00	1.196.724	758.722.727
	Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc - Vinacomin	Tấn	634,00	1.196.724	758.722.727
	TỔNG CỘNG		5.794,00		7.697.429.377

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hoài

Lê Thị Thu Hiền

Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ						
		131	331	335	311	336	338	341
A	B	1	2			3	4	4
A	NỢ PHẢI THU	621.836.600	-	-	-	-	-	-
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	621.836.600	-	-	-	-	-	-
I.1	Trong nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	621.836.600	-	-	-	-	-	-
1	Cty TNHH một thành viên than Khánh hoà - VVMI	620.400.000	-	-	-	-	-	-
2	Công ty than Na Dương - VVMI	1.436.600	-	-	-	-	-	-
I.2	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	-	-	-	-
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-	-
B	NỢ PHẢI TRẢ	-	109.682.086.584	-	15.000.000.000	886.059.451	32.802.015	31.780.188.435
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	-	85.682.086.584	-	15.000.000.000	886.059.451	32.802.015	-
I.1	Trong nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	10.911.136.913	-	15.000.000.000	886.059.451	-	-
1	Công ty cổ phần SX và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	-	8.645.929.697	-	-	-	-	-
2	Công ty cổ phần vật liệu XD & KD tổng hợp VVMI	-	1.295.107.000	-	-	-	-	-
3	Công ty cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	967.004.216	-	-	-	-	-
4	Công ty than Núi Hồng - VVMI	-	3.096.000	-	-	-	-	-
5	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	-	-	15.000.000.000	886.059.451	-	-
I.2	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	74.770.949.671	-	-	-	32.802.015	-
1	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	74.591.630.963	-	-	-	-	-
2	Viện khoa học công nghệ mỏ	-	179.298.708	-	-	-	-	-

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ						
		131	331	335	311	336	338	341
A	B	1	2			3	4	4
3	Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ Việt Bắc	-	-	-	-	-	32.802.015	-
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	24.000.000.000	-	-	-	-	31.780.188.435
II.1	Trong nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	-	-	-	-	-	31.780.188.435
1	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	-	-	-	-	-	31.780.188.435
II.2	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	24.000.000.000	-	-	-	-	-
2	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	24.000.000.000	-	-	-	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hoài

Kế toán trưởng

Lê Thị Thu Hiền



Thái Nguyên, ngày 15 tháng 03 năm 2015

Giám đốc

Nguyễn Văn Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI

Tel: 02803 829 154; Fax: 02803 829 056

Email: Congtycpxmlh@yahoo.com.vn Website: <http://www.ximanglahien.com.vn>

Địa chỉ: Xã La Hiên – Huyện Võ Nhai – Tỉnh Thái Nguyên

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dũng

